

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
VỤ THANH TOÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 1 năm 2016

Số: 837/TT1

V/v đăng tải xin ý kiến trên website NHNN dự thảo Thông tư quy định về tổ chức không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng

Kính gửi: Văn phòng NHNN (Công thông tin điện tử NHNN)

Nhằm hướng dẫn điểm d khoản 4 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP và khoản 7 Điều 1 Nghị định 80/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 101/2012/NĐ-CP của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu xây dựng Dự thảo Thông tư quy định về tổ chức không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng (dự thảo Thông tư). Thực hiện quy trình thủ tục theo quy định, Vụ Thanh toán đề nghị Quý đơn vị cho đăng tải trên Công thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước dự thảo Thông tư này để lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của các tổ chức, cá nhân liên quan.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Vụ Thanh toán - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Số 25 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội. Điện thoại: 04.3939.2214; Email: hoa.phamanh@sbv.gov.vn (Đ/c Ánh Hòa).

Rất mong sự phối hợp công tác của Quý đơn vị./.

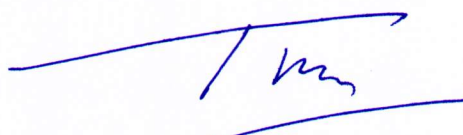
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TT1

Đính kèm:

- Dự thảo Thông tư;
- Bản giải trình dự thảo Thông tư.

VỤ TRƯỞNG



Bùi Quang Tiên

Số: /2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO 3

THÔNG TƯ

**Quy định về tổ chức không phải tổ chức tín dụng,
chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ
thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tổ chức không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về việc tổ chức không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán bằng đồng Việt Nam không qua tài khoản thanh toán của khách hàng (sau đây gọi là dịch vụ thanh toán) thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Việc cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức là pháp nhân không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc cung ứng một hoặc một số dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng (sau đây gọi là tổ chức khác).

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán (sau đây gọi là khách hàng sử dụng dịch vụ).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, bao gồm: dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thu hộ, chi hộ.

2. Dịch vụ chuyển tiền là việc tổ chức khác thực hiện theo yêu cầu của bên trả tiền hoặc bên gửi tiền nhằm chuyển một số tiền nhất định cho bên thụ hưởng.

3. Dịch vụ thu hộ là việc tổ chức khác thực hiện ủy nhiệm của bên nhờ thu thu tiền của bên trả tiền trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức khác và bên nhờ thu.

4. Dịch vụ chi hộ là việc tổ chức khác thực hiện theo yêu cầu của bên trả tiền thay mặt bên trả tiền để chi trả cho bên thụ hưởng trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức khác và bên trả tiền.

Điều 4. Chứng từ thanh toán

1. Chứng từ sử dụng trong thanh toán phải được lập, ký, kiểm soát, luân chuyển, quản lý, sử dụng và bảo quản theo đúng quy định về chế độ chứng từ kế toán hiện hành.

2. Chứng từ sử dụng trong thanh toán qua tổ chức khác được tổ chức đó quy định quy cách, mẫu biểu, in ấn, phát hành và hướng dẫn thực hiện đảm bảo phù hợp với quy trình thanh toán đối với từng loại hình dịch vụ và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Đối với chứng từ điện tử các thông tin dữ liệu trong chứng từ phải được kiểm soát đầy đủ đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ và tính toàn vẹn của thông tin. Đồng thời, chứng từ phải được kiểm soát, quản lý bảo mật để ngăn ngừa tránh việc lợi dụng khai thác, xâm nhập, sao chép thông tin bất hợp pháp.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN CỦA TỔ CHỨC KHÁC

Điều 5. Dịch vụ chuyển tiền

1. Khi thực hiện cung ứng dịch vụ chuyển tiền, tổ chức khác phải xây dựng, ban hành quy trình nội bộ về dịch vụ chuyển tiền đảm bảo xử lý nhanh chóng, chặt chẽ, chính xác, an toàn, bảo mật đúng pháp luật, trong đó tối thiểu phải có các nội dung:

a) Thực hiện các quy định tại Điều 10 Thông tư này phù hợp với các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố;

b) Quy định rõ các khâu xử lý của quy trình như lập, đối chiếu kiểm soát, lưu trữ chứng từ chuyển tiền, thời gian xử lý lệnh chuyển tiền, hạch toán tuân theo chế độ kế toán hiện hành, theo dõi sổ sách kế toán đầy đủ;

c) Căn cứ vào cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, bộ máy vận hành xác định cụ thể hạn mức chuyển tiền, nhận tiền tại các điểm cung cấp dịch vụ của mình nhưng tối đa 200 triệu đồng/khách hàng/ngày và chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn đúng pháp luật trong quá trình thực hiện;

d) Xây dựng cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán phù hợp với quy định tại Điều 8 Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

đ) Quy định trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân thực hiện quy trình, tối thiểu có các nội dung: nghĩa vụ cam kết của các bên về việc bảo mật thông tin khách hàng, giao dịch thanh toán, các quy định về an toàn, bảo mật, trách nhiệm phối hợp tra soát, xử lý các khiếu nại và chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất cho khách hàng do tổ chức khác làm lộ thông tin, sai sót trong quá trình tác nghiệp hoặc thực hiện không đúng theo thỏa thuận giữa các bên.

2. Thời gian xử lý lệnh chuyển tiền đến

a) Nếu lệnh chuyển tiền đến hợp pháp, hợp lệ, chậm nhất trong 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được lệnh chuyển tiền, tổ chức khác cung ứng dịch vụ chuyển tiền phục vụ bên thụ hưởng hạch toán vào tài khoản thích hợp và có trách nhiệm thông báo cho khách hàng đến nhận tiền theo thỏa thuận;

b) Trường hợp tổ chức khác cung ứng dịch vụ chuyển tiền đã thông báo cho bên thụ hưởng, nếu bên thụ hưởng không đến nhận tiền hoặc không liên hệ được với bên thụ hưởng để thông báo nhận tiền, trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận lệnh chuyển tiền đến, tổ chức khác làm thủ tục trả lại tiền cho bên chuyển tiền.

3. Xử lý sai sót, tra soát, khiếu nại

a) Nếu lệnh chuyển tiền đến có sai sót, chậm nhất trong 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được lệnh chuyển tiền đến, tổ chức khác phục vụ bên thụ hưởng

thông báo và phối hợp với bên liên quan thực hiện tra soát. Sau khi có kết quả tra soát, trường hợp sai sót do lỗi của khách hàng, tổ chức khác thông báo ngay cho bên chuyển tiền để kịp thời xử lý lệnh hoặc hoàn trả lại tiền cho khách hàng nếu khách hàng có yêu cầu;

b) Tổ chức khác quy định cụ thể thời hạn khách hàng sử dụng dịch vụ được quyền đề nghị tra soát, khiếu nại đối với tổ chức khác không được ít hơn 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch yêu cầu tra soát;

c) Tổ chức khác có trách nhiệm xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại của khách hàng sử dụng dịch vụ:

- Áp dụng tối thiểu hai hình thức tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại bao gồm qua tổng đài điện thoại (có ghi âm) và qua các địa điểm giao dịch của tổ chức khác; đảm bảo xác thực những thông tin cơ bản mà khách hàng đã cung cấp cho tổ chức khác;

- Xây dựng mẫu giấy đề nghị tra soát, khiếu nại để khách hàng sử dụng khi đề nghị tra soát, khiếu nại. Trường hợp tiếp nhận thông tin qua tổng đài điện thoại, tổ chức khác yêu cầu khách hàng bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo mẫu trong thời hạn quy định của tổ chức khác làm căn cứ chính thức để xử lý. Trường hợp ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ủy quyền;

- Tổ chức khác có trách nhiệm trả lời hoặc xử lý kịp thời các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng sử dụng trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận được yêu cầu khiếu nại của khách hàng sử dụng dịch vụ;

d) Xử lý kết quả tra soát, khiếu nại:

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho khách hàng, tổ chức khác cung ứng dịch vụ thanh toán phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại không do lỗi của khách hàng và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng theo thỏa thuận với khách hàng sử dụng dịch vụ và phù hợp với quy định của pháp luật;

- Trong trường hợp hết thời hạn giải quyết tra soát, khiếu nại được quy định tại điểm c khoản này mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, tổ chức khác thỏa thuận với khách hàng về phương án xử lý, nếu không thỏa thuận được phương án xử lý thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật;

4. Các quy định khác cần bổ sung trong quy trình nội bộ của tổ chức khác như cơ chế quản lý rủi ro, quyền lợi chính đáng của khách hàng và các quy định khác có liên quan.

Điều 6. Dịch vụ thu hộ và dịch vụ chi hộ

1. Để thực hiện dịch vụ thu hộ, bên nhờ thu phải cung cấp cho tổ chức khác các văn bản, tài liệu cần thiết liên quan đến số tiền phải thu làm điều kiện để tổ chức khác thực hiện việc thu hộ tiền. Tổ chức khác thực hiện thu hộ theo đúng nội dung văn bản thỏa thuận với bên nhờ thu và phù hợp quy định pháp luật có liên quan.

2. Để thực hiện dịch vụ chi hộ, bên trả tiền phải cung cấp cho tổ chức khác các văn bản, tài liệu cần thiết liên quan đến số tiền phải trả làm điều kiện để tổ chức khác thực hiện việc chi hộ. Tổ chức khác thực hiện chi hộ theo đúng yêu cầu của bên trả tiền theo văn bản thỏa thuận với bên trả tiền và phù hợp quy định pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức khác xây dựng, ban hành quy trình nội bộ để thực hiện dịch vụ thu hộ và dịch vụ chi hộ cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan trong đó đảm bảo quy định rõ các bước, khâu xử lý của quy trình, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quy định trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân thực hiện quy trình, đảm bảo xử lý nhanh chóng, chính xác, an toàn, đúng pháp luật.

4. Hợp đồng/văn bản thỏa thuận về dịch vụ thu hộ, chi hộ

Căn cứ vào từng loại hình dịch vụ thu hộ, chi hộ, tổ chức khác thỏa thuận với khách hàng sử dụng dịch vụ về hình thức là hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận đối với dịch vụ thu hộ, chi hộ; đảm bảo phải có tối thiểu các nội dung:

- a) Số hợp đồng/văn bản;
- b) Thời điểm (ngày, tháng, năm) lập hợp đồng;
- c) Tên, địa chỉ của các bên tham gia;
- d) Quy định về thỏa thuận thời hạn xử lý các giao dịch thanh toán; quyết toán các giao dịch;
- đ) Địa điểm giao dịch thuộc mạng lưới giao dịch của tổ chức khác hoặc thông qua địa điểm giao dịch của ngân hàng ủy thác cho tổ chức khác cung ứng dịch vụ;
- e) Việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật;
- g) Các nội dung về quyền và nghĩa vụ của các bên;
- h) Trách nhiệm phối hợp xử lý tra soát, khiếu nại, tranh chấp trong quá trình thực hiện, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm trong việc tiếp nhận thông tin từ

khách hàng, thời gian xử lý, trách nhiệm và phương án đền bù các tổn thất phát sinh;

i) Quy định về phí;

k) Quy định các trường hợp vi phạm thỏa thuận giữa các bên làm cơ sở để từ chối thực hiện giao dịch hoặc chấm dứt hợp đồng/văn bản thỏa thuận về thanh toán.

Điều 7. Địa điểm giao dịch khi cung ứng dịch vụ thanh toán

1. Tại các địa điểm cung ứng dịch vụ, tổ chức khác có trách nhiệm trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật nhằm thực hiện dịch vụ thanh toán đảm bảo an toàn, bảo mật và thông suốt.

2. Đối với dịch vụ thanh toán, tổ chức khác có mạng lưới địa điểm giao dịch và hệ thống công nghệ phục vụ truyền dẫn, xử lý dữ liệu chuyển tiền đảm bảo an toàn và thông suốt.

3. Biểu phí cung cấp dịch vụ phải được niêm yết công khai tại các địa điểm giao dịch để khách hàng nắm rõ trước khi sử dụng dịch vụ.

Điều 8. Đảm bảo khả năng thanh toán

Tổ chức khác phải xây dựng và triển khai các biện pháp đảm bảo khả năng thanh toán và duy trì số dư hoặc thỏa thuận với ngân hàng về thấu chi tài khoản thanh toán cuối ngày lớn hơn số tiền phải trả cho khách hàng để thực hiện các giao dịch thanh toán đảm bảo an toàn và thông suốt.

Điều 9. Quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật

1. Tổ chức khác phải xây dựng các cơ chế quản lý rủi ro, trích lập dự phòng, có biện pháp đánh giá, kiểm soát, phòng ngừa rủi ro và tuân thủ theo các quy định pháp luật về hoạt động giao dịch điện tử.

2. Từ chối hoặc chấm dứt cung cấp dịch vụ thanh toán cho khách hàng sử dụng dịch vụ khi khách hàng không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu khi thực hiện dịch vụ thanh toán hoặc vi phạm thỏa thuận giữa các bên.

3. Có quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp. Xây dựng cơ chế đền bù, bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp phát sinh rủi ro, sự cố trong quá trình cung ứng dịch vụ.

4. Tổ chức khác phải xây dựng, ban hành văn bản quy định việc giao nhận, bảo quản, trang bị kết nối tại các địa điểm giao dịch của hệ thống mình, thu gom, vận chuyển tiền mặt đảm bảo cuối ngày nộp vào tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng, có phương án phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Tổ chức khác chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh, an toàn đối với việc luân chuyển tiền mặt cũng như xác định hạn mức tồn quỹ tiền mặt cuối ngày cho mỗi điểm giao dịch phù hợp với khả năng quản lý của mình và tính thanh khoản cho khách hàng sử dụng dịch vụ.

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện các quy định về phòng, chống rửa tiền

Trong quy trình nội bộ triển khai thực hiện các dịch vụ, tổ chức khác phải quy định cụ thể các nội dung đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan, đảm bảo tối thiểu có các nội dung sau:

1. Tổ chức khác phải thực hiện những biện pháp nhận biết khách hàng, thu thập, xác minh, cập nhật, lưu trữ thông tin khách hàng, kiểm soát, phát hiện, xử lý và kịp thời báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch đáng ngờ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phòng chống, rửa tiền và tài trợ khủng bố và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Không được sử dụng các dịch vụ thanh toán cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

3. Từ chối hoặc chấm dứt cung cấp dịch vụ thanh toán cho khách hàng sử dụng dịch vụ khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có bằng chứng về việc giao dịch thanh toán nhằm rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền; lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 11. Bảo vệ quyền lợi của khách hàng

1. Thông báo, hướng dẫn và cảnh báo để khách hàng nhận biết và phòng tránh rủi ro khi sử dụng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng mà mình cung cấp.

2. Thông báo và hướng dẫn khách hàng cung cấp chính xác, trung thực các thông tin và chứng từ thanh toán mà mình cung cấp, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin mà mình cung cấp.

Cảnh báo khách hàng tự bảo vệ các bí mật thông tin giao dịch của cá nhân để đảm bảo an toàn, bảo mật trong giao dịch thanh toán; thông báo kịp thời cho tổ chức khác khi phát hiện thấy có sai sót, nhầm lẫn trong giao dịch thanh toán hoặc nghi ngờ thông tin giao dịch bị lợi dụng.

3. Được khiếu nại và yêu cầu tổ chức khác bồi thường thiệt hại khi: tổ chức khác thực hiện giao dịch thanh toán chậm so với thỏa thuận, không thực hiện giao dịch thanh toán hoặc chuyển nhầm địa chỉ người nhận, sai thông tin người

nhận, sai nội dung giao dịch hoặc sai số tiền mà khách hàng đã nộp để chuyển đi, thu phí dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng không đúng loại phí hoặc mức phí mà tổ chức cung ứng dịch vụ đã công bố và các vi phạm khác trong thỏa thuận với khách hàng.

Thực hiện giao dịch thanh toán kịp thời, an toàn, chính xác theo thỏa thuận với khách hàng sử dụng dịch vụ; xây dựng biểu phí và niêm yết công khai phí sử dụng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

Chương III

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CUNG CẤP THÔNG TIN, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng quý (trước ngày 05 của tháng tiếp theo kỳ báo cáo), hàng năm (trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo), tổ chức khác có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Vụ Thanh toán) về tình hình triển khai thực hiện dịch vụ theo Phụ lục đính kèm Thông tư này.

2. Tổ chức khác có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin liên quan trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu cụ thể của Ngân hàng Nhà nước để phục vụ cho mục tiêu quản lý nhà nước;

b) Khi có phát sinh diễn biến bất thường hoặc sự cố gây gián đoạn trong hoạt động cung ứng có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức khác cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 13. Cung cấp thông tin

1. Khi cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, tổ chức khác phải có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu và thực hiện đầy đủ các quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan để làm cơ sở cho Ngân hàng Nhà nước quản lý, giám sát. Tổ chức khác cung ứng dịch vụ thanh toán chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin mình cung cấp.

2. Trong quá trình cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, tổ chức khác phải cung cấp hệ thống thông tin kế toán quản trị đảm bảo theo dõi riêng được nguồn vốn, tài sản và xác định được kết quả của hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng làm cơ sở cho Ngân hàng Nhà nước quản lý và giám sát.

3. Tổ chức khác chỉ cung cấp các thông tin liên quan đến giao dịch thanh toán, thông tin cá nhân của khách hàng và các thông tin liên quan khác theo yêu cầu của khách hàng sử dụng dịch vụ, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, trường hợp nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Thanh toán có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát và phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, thanh tra, giám sát về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng qua tổ chức khác theo quy định của pháp luật, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các trường hợp vi phạm và kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.

3. Cục Công nghệ tin học ngân hàng phối hợp với Vụ Thanh toán có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật và quản lý rủi ro trong giao dịch điện tử của tổ chức khác khi cung ứng dịch vụ.

4. Các tổ chức khác đang thực hiện cung ứng một hoặc một số dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định tại Thông tư này có trách nhiệm thực hiện và hoàn thiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Thông tư này và gửi về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán) trong vòng 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Đối với các trường hợp khác trước khi bắt đầu cung ứng dịch vụ theo quy định của pháp luật, căn cứ vào quy định tại Thông tư này tổ chức khác phải xây dựng quy trình nội bộ của từng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh

toán của khách hàng tại đơn vị mình cũng như cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu theo quy định tại Thông tư này và gửi về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán).

5. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức khác cung ứng dịch vụ thanh toán chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như khoản 5 Điều 16;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ TT (5b).

THÔNG ĐỐC

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2016/TT-NHNN ngày... tháng... năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**TỔ CHỨC KHÁC CUNG ỨNG DỊCH VỤ
THANH TOÁN**

....., ngày... tháng... năm

**BÁO CÁO
VỀ HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN
Kỳ (Quý/Năm)...**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán)

I. Dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng mà tổ chức cung cấp

(Báo cáo chi tiết từng loại hình dịch vụ được cung cấp)

1. Loại hình dịch vụ cung cấp, thời điểm bắt đầu thực hiện
2. Số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ (tính đến cuối kỳ báo cáo), địa điểm giao dịch.

3. Giao dịch thanh toán được thực hiện qua từng dịch vụ thanh toán (phát sinh trong kỳ báo cáo):

Tổng số lượng giao dịch, bình quân ngày/tháng

Tổng giá trị giao dịch, bình quân ngày/tháng

Tổng giá trị phí dịch vụ thu được từ từng dịch vụ thanh toán.

4. Ngoài ra, đối với dịch vụ thu hộ, chi hộ cung cấp thêm danh sách các tổ chức cung ứng hàng hóa, dịch vụ ký kết hợp đồng thỏa thuận thu hộ, chi hộ với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, nêu cụ thể loại hình dịch vụ thu hộ, chi hộ.

5. Danh sách ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán (nếu có) tham gia vào triển khai dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

6. Liệt kê chi tiết các loại phí quy định liên quan đến dịch vụ thanh toán cung ứng. Khi có sự thay đổi trong biểu phí cần báo cáo và gửi về Ngân hàng Nhà nước để theo dõi và quản lý.

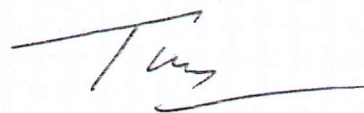
II. Đánh giá kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện dịch vụ.

III. Những kiến nghị đề xuất với Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

Người lập

Kiểm soát

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



BẢN GIẢI TRÌNH
Thông tư quy định về việc cung ứng dịch vụ
thanh toán không qua tài khoản thanh toán của tổ chức không phải tổ
chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Để việc nghiên cứu và tham gia ý kiến cho Thông tư quy định về việc cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thuận lợi, Đơn vị soạn thảo xin cung cấp thêm một số nội dung liên quan như sau:

1. Sự cần thiết của việc ban hành Thông tư hướng dẫn:

1.1. Cơ sở pháp lý

- Tại khoản 22 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *Tài khoản thanh toán* là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng mở tại ngân hàng để sử dụng các dịch vụ thanh toán do ngân hàng cung ứng.

- Khoản 1, Điều 4 Nghị định 101/2012/NĐ-CP: *Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt* bao gồm dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán và một số dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

- Tại khoản 3, Điều 4 Nghị định 101/2012/NĐ-CP: *Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt* (sau đây gọi là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán) gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và một số tổ chức khác.

- Khoản 7 Điều 1 Nghị định 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 101/2012/NĐ-CP: Dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, bao gồm: dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ.

- Tại điểm d, khoản 4 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP: Các tổ chức khác cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Sau khi Nghị định 101 được ban hành việc hướng dẫn dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó có dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đã được hướng dẫn tại Thông tư 46/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của NHNN. Tuy nhiên tại Thông tư này chỉ hướng dẫn các ngân hàng,

chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô mà chưa có văn bản hướng dẫn đối với một số tổ chức khác cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

1.2. Cơ sở thực tế

- Xét về bản chất dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định 80/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Nghị định 101), hiện nay trong thực tế có Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) đang cung ứng dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thu hộ, chi hộ theo sự chấp thuận của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh (tại Văn bản số 9954/VPCP-KTTH).

Đồng thời, căn cứ vào khoản 9 Điều 33 Luật Bưu chính năm 2010 có quy định: “Sử dụng hiệu quả mạng bưu chính công cộng để kinh doanh dịch vụ tài chính, tiết kiệm, chuyển tiền, phát hành báo chí và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật”.

Đây là dịch vụ thanh toán mà VNPost thực hiện trên cơ sở Quyết định cá biệt 120/QĐ-NHNN trước đây của Thống đốc NHNN về việc chấp thuận cho VNPost cung cấp dịch vụ thanh toán (căn cứ vào Nghị định 64/2001/NĐ-CP nay đã được thay thế bằng Nghị định 101/2012/NĐ-CP) nhưng hiện nay chưa có quy định hướng dẫn cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đối với VNPost; cũng như là của các tổ chức khác nếu có phát sinh trong thực tế.

- Liên quan đến hướng dẫn dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán trên mạng bưu chính công cộng, Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh đã có chỉ đạo tại Công văn số 7902/VPCP-KTTH ngày 9/10/2014 về mô hình phòng giao dịch bưu điện và được gửi kèm tại Công văn số 1293/BTTTT-BC ngày 4/5/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông gửi NHNN. Trên cơ sở đề xuất của NHNN tại Công văn 8144/NHNN-TT ngày 23/10/2015, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 9954/VPCP-KTTH ngày 27/11/2015 với nội dung chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh đồng ý với đề nghị của NHNN đồng thời giao NHNN khẩn trương phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn dịch vụ thanh toán không qua tài khoản của khách hàng.

- Mặt khác, trong bối cảnh của sự phát triển công nghệ thông tin và tăng cường tài chính toàn diện, phổ cập dịch vụ tài chính đến cho mọi người dân, do đó việc tạo dựng khuôn khổ pháp lý để các tổ chức khác cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán bảo đảm an toàn hiệu quả là thực sự cần thiết.

2. Mục tiêu quản lý thể hiện trong Dự thảo Thông tư

- Dự thảo được xây dựng trên cơ sở bám sát các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành: Luật Ngân hàng Nhà nước; Luật Các tổ chức tín dụng; điểm d, khoản 4, Điều 14 Nghị định 101; khoản 7 Điều 1 Nghị định 80/2016/NĐ-CP và các văn bản chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ.

- Bảo đảm tính chặt chẽ, kiểm soát được rủi ro, bảo vệ quyền lợi chính đáng của khách hàng; phát huy được hệ thống nền tảng hạ tầng sẵn có nhằm cung ứng dịch vụ đến đông đảo người dân, nhất là những nơi mà hệ thống ngân hàng chưa có. Do đó, tại Dự thảo Thông tư thể hiện được vai trò quản lý của cơ quan nhà nước nhằm bảo đảm an toàn cho hoạt động thanh toán và tiền tệ, các quy trình cung ứng dịch vụ phải thực hiện đầy đủ các khâu xử lý, cơ chế kiểm soát, xử lý sai sót, cơ chế đền bù thiệt hại, hạn mức chuyển tiền, địa điểm giao dịch, vận chuyển tiền mặt, an toàn kho quỹ, đáp ứng đầy đủ các quy định pháp lý về phòng, chống rửa tiền.

Đồng thời, tại Dự thảo Thông tư cũng đề ra biện pháp quản lý bằng việc quy định các trách nhiệm phải thực hiện trong quy trình thanh toán mà tổ chức khác phải thực hiện trong quá trình cung ứng dịch vụ làm cơ sở để NHNN quản lý và giám sát.

- Đảm bảo tôn trọng quyền tự quyết định của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành, góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, giúp khách hàng được lựa chọn và tiếp cận với nhiều sản phẩm dịch vụ an toàn và tiện lợi đặc biệt trong xu hướng phổ cập tài chính toàn diện tới các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

3. Tên gọi, bố cục và các nội dung chính của Dự thảo

3.1. Tên gọi của Thông tư: Thông tư quy định về tổ chức không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

3.2. Kết cấu của Dự thảo

Thông tư gồm 16 Điều. Các nội dung được quy định trong Thông tư:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2: Đối tượng áp dụng
- Điều 3: Giải thích từ ngữ
- Điều 4: Chứng từ thanh toán
- Điều 5: Dịch vụ chuyển tiền
- Điều 6: Dịch vụ thu hộ và dịch vụ chi hộ
- Điều 7: Địa điểm giao dịch khi cung ứng dịch vụ thanh toán

- Điều 8: Đảm bảo khả năng thanh toán
- Điều 9: Quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật
- Điều 10: Trách nhiệm thực hiện các quy định về phòng, chống rửa tiền
- Điều 11: Bảo vệ quyền lợi của khách hàng
- Điều 12: Chế độ báo cáo
- Điều 13: Cung cấp thông tin
- Điều 14: Xử lý vi phạm
- Điều 15: Hiệu lực thi hành
- Điều 16: Tổ chức thực hiện

4. Nội dung hướng dẫn trong Thông tư

4.1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định việc cung ứng dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thu hộ, chi hộ của tổ chức cung ứng dịch vụ theo quy định tại điểm d, khoản 4 Điều 14 Nghị định 101 và khoản 7 Điều 1 Nghị định 80/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 101. Đồng thời theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và thực tiễn hiện nay thì VNPost đang thực hiện dịch vụ này trên cơ sở nền tảng của dịch vụ truyền thống (từ năm 1955) và tận dụng nền tảng hạ tầng cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng.

Mặt khác, dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng do tổ chức khác cung ứng không nằm trong Danh mục 267 ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư, do đó dịch vụ này không phải thực hiện thủ tục cấp phép. Do vậy, dịch vụ này không phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh bởi vậy chứa đựng nhiều rủi ro, có thể ảnh hưởng đến an toàn - ổn định của hệ thống tài chính ngân hàng cũng như tài sản và quyền lợi của người dân.

Do vậy nhằm quản lý, giám sát chặt chẽ đối tượng cung ứng loại hình dịch vụ này và đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng với ngân hàng cũng như tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị nên Dự thảo quy định “Đối tượng áp dụng: tổ chức là pháp nhân không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng một hoặc một số dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng”.

4.2. Một số nội dung chính

Tại Dự thảo lần 3 tiếp thu ý kiến của các Vụ, Cục NHNN, VNPost, một số NHTM, tổ chức trung gian thanh toán đã hướng dẫn chi tiết hơn để các tổ chức cung

ứng căn cứ trên quy định pháp lý để ban hành quy trình nội bộ tại đơn vị mình đảm bảo thực hiện chính xác, an toàn, bảo mật và chặt chẽ.

Do Thông tư này hướng dẫn cho các tổ chức khác, tuy nhiên thực tế chưa phát sinh các tổ chức này ngoại trừ VNPost hơn nữa đối với các tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán cần phải chịu sự quản lý giám sát chặt chẽ của NHNN. Do đó, tại Thông tư đã quy định đầy đủ các nội dung làm cơ sở để các đơn vị liên quan trong NHNN quản lý và giám sát.

** Dịch vụ chuyển tiền*

Do mục tiêu hướng đến tạo điều kiện thuận lợi cho người dân không có tài khoản tại ngân hàng cũng như ở các vùng sâu, vùng xa được tiếp cận dịch vụ tài chính và đảm bảo mục tiêu thực hiện cung ứng an toàn nhằm bảo vệ tài sản và quyền lợi của người dân, tại Dự thảo đã quy định rõ các nội dung mà tổ chức cung ứng phải thực hiện trong chu trình thanh toán làm cơ sở để xây dựng ban hành nghiệp vụ của đơn vị mình cho phù hợp với hoạt động.

Ngoài ra, do đặc thù là tổ chức khác không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nên có quy định tổ chức khác phải xây dựng và ban hành hạn mức chuyển tiền nhưng đảm bảo tối đa 200 triệu đồng/khách hàng/ngày để đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện.

Quy định rõ tiếp nhận tra soát, xử lý khiếu nại và kết quả tra soát để các tổ chức khác làm cơ sở xây dựng quy trình nội bộ, quy định thời gian xử lý lệnh chuyển tiền đến, xử lý sai sót của lệnh chuyển tiền.

** Dịch vụ thu hộ, chi hộ*

Do đặc thù thu hộ, chi hộ đối với từng loại hình dịch vụ sẽ có quy trình khác nhau, do đó cũng như tại Thông tư 46 chỉ quy định các nguyên tắc chung còn quy trình chi tiết do tổ chức quy định phù hợp với hệ thống của mình. Đồng thời, tại dự thảo Thông tư đã bổ sung quy định về các nội dung tối thiểu cần có trong hợp đồng thu hộ, chi hộ giữa các bên tham gia.

** Quy định việc đảm bảo khả năng thanh toán và an toàn tiền mặt*

Do đặc thù tổ chức khác là các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng vì vậy cần quy định các nguyên tắc về việc duy trì số dư cần thiết tại tài khoản mở tại ngân hàng, tồn quỹ cuối ngày tại hệ thống để đảm bảo thanh khoản trong quá trình cung ứng dịch vụ cũng như chịu trách nhiệm về tính an toàn trong vận chuyển, bảo quản tiền mặt.

5. Một số vấn đề cần tập trung xin ý kiến tham gia vào dự thảo Thông tư

5.1. Đối tượng áp dụng

Do dịch vụ này không phải thực hiện thủ tục cấp phép vì vậy tại dự thảo Thông tư không được quy định điều kiện kinh doanh, tuy nhiên, để nhằm quản lý chặt chẽ các đối tượng khác cung ứng dịch vụ này tại dự thảo Thông tư cần bổ sung thêm nội dung gì tại Điều 2 đối tượng áp dụng.

5.2. Dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thu hộ, chi hộ tại Điều 5, Điều 6 Dự thảo Thông tư có cần bổ sung thêm nội dung gì, các nội dung quy định đã đầy đủ chưa?

5.3. Liên quan đến nội dung cần tập trung xin ý kiến tham gia về địa điểm giao dịch và đảm bảo khả năng thanh toán

Để có thể quản lý tốt các đối tượng tổ chức khác này cũng như bảo vệ quyền lợi của khách hàng và sự cạnh tranh bình đẳng với các ngân hàng, tại Dự thảo đã có hướng tiếp cận quy định chặt chẽ và bắt buộc phải có mạng lưới địa điểm giao dịch bao phủ đến tất cả huyện trên toàn quốc, tuy nhiên, việc quy định này được xem là điều kiện không được quy định tại dự thảo Thông tư hơn nữa quy định chung chung thì NHNN sẽ khó quản lý và sẽ phát sinh nhiều tổ chức cung ứng các dịch vụ này trong tương lai.

Để có thể kiểm soát và ngăn chặn các rủi ro như rủi ro thanh khoản, mất khả năng thanh toán tiền đang giữ của khách hàng, tại Dự thảo Thông tư đã yêu cầu duy trì số dư hoặc thỏa thuận thấu chi tài khoản thanh toán với ngân hàng lớn hơn số tiền phải trả cuối ngày cho khách hàng. Việc quy định này đã đầy đủ chưa, có cần bổ sung thêm cơ chế gì để quản lý?

Trên đây là một số nội dung giải trình của Đơn vị soạn thảo về việc xây dựng *Dự thảo Thông tư* để các tổ chức, cá nhân nghiên cứu và tham khảo./.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC